Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Mở Hà Nội 86 (12/2021) 1-8

TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU GIỚI TỪ CĂN CỨ TRONG TIẾNG HÁN HIỆN ĐẠI

AN OVERVIEW OF RESEARCH ON PREPOSITION OF EVIDENCE IN MODERN CHINESE

Đinh Thu Hoài*

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 04/06/2021
Ngày nhận kết quả phản biện đánh giá: 03/12/2021
Ngày bài báo được duyệt đăng: 28/12/2021

Tóm tắt: *Bài viết tổng quát về tình hình nghiên cứu giới từ căn cứ trong tiếng Hán hiện đại từ những nghiên cứu tổng thể về loại giới từ này đến những nghiên cứu cụ thể về một vài giới từ căn cứ, so sánh giữa các giới từ căn cứ, một số vấn đề của giới từ căn cứ như ngữ pháp hóa, vấn đề ẩn hiện, giới từ căn cứ trong giảng dạy, v.v… . Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra cái nhìn tổng quan về kết quả nghiên cứu của các học giả đi trước và nhận định về tiềm năng nghiên cứu của loại giới từ này. Kết luận của bài viết góp phần đưa ra những định hướng nghiên cứu về giới từ căn cứ còn có thể đi sâu khai thác.*

Từ khóa: *giới từ căn cứ, tiếng Hán hiện đại, tổng quan nghiên cứu, giảng dạy tiếng Hán.*

Abstract: *The article gives an overview of the research situation of base prepositions in modern Mandarins from the general studies on this type of preposition to specific studies on some base prepositions, comparison between the base prepositions, some issues of the base prepositions such as grammarization, hidden issues, base prepositions in teaching, etc… On that basis, the article gives an overview of the research results of previous scholars and comments on the research potential of this preposition The conclusion of the article contributes to providing research directions on basic prepositions that can be further exploited.*

Keywords: *base prepositions, modern Mandarins, general studies, teaching Chinese.*

I. Dẫn nhập

Nghiên cứu về giới từ là một trong những đề tài quan trọng trong nghiên cứu tiếng Hán hiện đại. Trong đó, giới từ căn cứ (như: 按照, 本着, 鉴于, 根据, 依照, 凭 着 ...) là loại giới từ đặc biệt, thường dùng trong văn bản viết, nhất là loại văn bản pháp luật, dùng khi cần dẫn ra căn cứ.

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu tài liệu, tiến hành tổng hợp và phân tích các kết quả nghiên cứu trước đó của các học giả về nghiên cứu giới từ căn cứ nói chung và các vấn đề cụ thể của giới từ căn cứ nói riêng.

* Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội

II. Tổng quan tình hình nghiên cứu giới từ căn cứ

2.1. Nghiên cứu tổng thể về giới từ căn cứ

Theo quan sát của chúng tôi, tới nay chưa có nhiều nghiên cứu khái quát toàn bộ giới từ căn cứ, chỉ có một vài bài viết mang tính tổng quan về loại giới từ này.

Ding Yuhong (2008) đã nghiên cứu hệ thống về giới từ căn cứ, gồm: đặc điểm cơ bản, chức năng cú pháp, khảo sát vị trí phân bố và tần suất xuất hiện của các giới từ căn cứ.

Wei Qibiao (2008) từ góc độ đặc trưng ngữ nghĩa, đã khảo sát sự khác nhau về ngữ nghĩa, ngữ pháp các nhóm giới từ căn cứ và các giới từ căn cứ cụ thể.

Zhang Xin (2009) đã tiến hành khảo sát giới từ căn cứ trên năm phương diện: sự lựa chọn của giới từ căn cứ đối với tân ngữ và động từ vị ngữ; sự lựa chọn đoản ngữ giới từ căn cứ dựa trên nghĩa của câu; đặc trưng phân bố của đoản ngữ giới từ căn cứ; đồng thời miêu tả phân cấp cấu trúc và chức năng đánh dấu của bộ khung giới từ căn cứ.

Xu Min (2010) dùng phương pháp miêu tả và phân tích giới từ căn cứ, tiến hành phân tích một cách có hệ thống về các phương diện chức năng cú pháp, ngữ pháp hóa…

Ngoài ra, một số học giả nghiên cứu về một giới từ căn cứ cụ thể đứng từ các góc độ khác nhau. Những bài viết nghiên cứu tình hình phát triển của giới từ nhìn từ góc độ lịch đại gồm có Ma Beijia《介词“照”的产生》(1992a), 《方式介词“凭、据、随、论”的产生》(1992b), Qiu Shanshan《“通过”的语法化和语义研究》(2006). Ngoài ra còn một số bài viết nghiên cứu từ góc độ đồng đại như: Lu Yingshun《说“通过”》(2003), Fang Qingming《介词“随着”的句法、语义特点及教学策略探析》(2012), Zhang Chengjin, Wang Ping《介词“通过”的语法化及其语义来源》(2004)…

Cho tới nay, sự phân chia các loại giới từ vẫn chưa thống nhất nên vẫn chưa có sự nhất quán về định nghĩa và giới hạn dành cho giới từ căn cứ. Vì vậy, phạm vi đối tượng nghiên cứu về giới từ căc cứ cũng khác nhau. Số lượng bài nghiên cứu về tổng thể của loại giới từ này vẫn còn khiêm tốn.

2.2. Nghiên cứu so sánh về một vài giới từ căn cứ cụ thể

Một số học giả nghiên cứu giới từ căn cứ từ phương diện so sánh hai giới từ hoặc hai nhóm giới từ căn cứ nào đó trong hình thức ngữ pháp và ý nghĩa ngữ pháp, từ đó đưa ra các đề xuất sư phạm cho việc giảng dạy loại giới từ này.

Li Xiaoqi, Zhang Xin (2006) trên cơ sở khảo sát kho ngữ liệu “Kho ngữ liệu Hán ngữ ĐH Bắc Kinh (BDCC)” và ngữ liệu từ chương trình truyền hình “Nói thẳng nói thật” (Tell it like it is 实话实说), thảo luận về sự phân bố của giới từ loại “据” (gồm 9 từ 按, 按照, 依, 依照, 依据, 据, 根据, 照, 在) và kết cấu do từ loại này cấu thành (“据……看说”) trong những tình huống khác nhau. Qua đó đưa ra các kết luận về các phương diện: (1) Về sự phân bố và tần suất xuất hiện của 9 giới từ căn cứ trong ngữ liệu; (2) Sự đa dạng về hình thức của danh từ và đoản ngữ có tính danh từ phía sau giới từ loại “据”; (3) Khảo sát tần suất sử dụng giới từ loại “据” xét theo phương diện âm tiết và loại động

từ kết hợp; ngoài ra còn có kết luận liên quan mối quan hệ của các thành phần khác trong câu với giới từ căn cứ.

Li Xiaoqi (2005) tiến hành so sánh các giới từ dẫn dắt căn cứ như 按, 按照, 照, 依, 依照, 据, 根据, 拿, 凭… từ góc độ danh từ phía sau, đoản ngữ có tính danh từ, câu nhỏ, thêm "着", thêm "的", cách dùng cố định…

Yi Huaping, Chen Genqiang (2009) khảo sát bốn giới từ hay bị nhầm lẫn trong ngành pháp luật: "依照", "依据", "按照", "根据", chỉ ra tính xu hướng và tính đặc thù của những nhóm từ này.

Lu Fubo (2011) từ góc độ ngữ nghĩa và âm tiết tân ngữ đằng sau giới từ căn cứ tiến hành phân tích so sánh hai nhóm giới từ gần nghĩa là "凭, 据, 依, 照" và "按照, 照, 据, 根据".

Hao Ling (2012) chỉ ra "根据" và "按照" có lúc có thể thay thế nhau, nhưng mối quan hệ giữa căn cứ và kết luận mà chúng chỉ ra có tồn tại những khác biệt nhất định.

Xin Qinying (2014) tiến hành phân tích, so sánh về phương diện cú pháp và phương diện ngữ nghĩa đối với hai cặp nhóm từ gần nghĩa gây khó khăn trong học tập của lưu học sinh Hàn Quốc là "根据" và "按照", "凭" và "靠".

Ngoài ra, còn có một số bài viết so sánh giới từ căn cứ trong tiếng Hán hiện đại với các ngôn ngữ khác, như Zheng Aihua (2011) tiến hành so sánh các thành phần biểu đạt "căn cứ" trong tiếng Hán và Hàn trên ba phương diện đặc trưng ngữ nghĩa, chức năng cú pháp và chức năng ngữ dụng, chỉ ra những điểm giống và khác nhau.

2.3. Nghiên cứu khác về các vấn đề của giới từ căn cứ

2.3.1. Vấn đề ngữ pháp hóa

Vào những năm 90 của thế kỷ 20, vấn đề ngữ pháp hóa của giới từ, nguồn gốc và diễn biến của giới từ đã được quan tâm nghiên cứu, song thành quả còn khiêm tốn. Một số bài viết tiêu biểu như: Ma Beijia (1990), (1992a), (1992b)…

Gan Yindan (2012) phân tích biểu hiện nghĩa gốc và sự biến đổi nghĩa của từ đơn âm tiết "根, 依, 据", từ đó thảo luận về quá trình ngữ pháp hóa của giới từ hai âm tiết "根据, 依据".

Shi Wei (2013) từ góc độ ngữ pháp hóa, kết hợp phân tích định tính và thống kê định lượng, kết hợp miêu tả, giải thích, đồng đại và lịch đại, thảo luận về quá trình ngữ pháp hóa của giới từ căn cứ, đồng thời phân tích động lực và cơ chế của quá trình ngữ pháp hóa.

Yang Fuliang (2014) khảo sát quá trình ngữ pháp hóa của từ 依照, chỉ ra tác động đồng thời của quy luật ngữ pháp hóa và từ vựng hóa, quá trình ngữ pháp hóa chịu tác động của các yếu tố ngữ nghĩa, cú pháp, đa âm tiết hóa và vận luật.

2.3.2. Vấn đề ẩn hiện

Giới từ thường không thể tỉnh lược, bắt buộc phải xuất hiện cùng với đối tượng được chỉ ra. Nhưng giới từ căn cứ trong một số trường hợp đặc biệt có thể lược bỏ. Chen Xinchun (2001) chỉ ra rằng khi sử dụng "依, 据, 按, 按照, 照, 根据, 依照, 沿, 凭, 通过" có hai trường hợp: "bắt buộc xuất hiện" và "tự do ẩn hiện". Khi giới từ căn cứ kết hợp với tân ngữ cấu thành cấu trúc trạng ngữ, giới từ bắt buộc xuất hiện. Khi tân ngữ của "据" là tổ hợp

chủ vị, đứng ở đầu câu, tân ngữ này có thể độc lập, "据" có thể tự do ẩn hiện. Trạng ngữ tạo bởi giới từ căn cứ và tân ngữ cấu trúc đẳng lập lặp lại thì giới từ căn cứ ở cấu trúc sau có thể tự do ẩn hiện.

Ding Yuhong (2004) đã khảo sát tình huống ẩn hiện của giới từ trong "按照+NP", "通过+NP, VP", "凭着+NP/AP", "随着+NP/VP", tổng kết ba trường hợp: bắt buộc xuất hiện, tự do ẩn hiện và có thể có hoặc không nhưng ngữ ý của cấu trúc có thay đổi.

2.3.3. Vấn đề giảng dạy

Giới từ căn cứ trong giảng dạy tiếng Hán là một điểm khó cần được chú trọng. Tuy nhiên, nghiên cứu về giới từ căn cứ trong giảng dạy tiếng Hán vẫn còn khá ít.

Wang Yinghua (2014) tiến hành phân tích điều tra 6 giới từ căn cứ: "按, 按照, 根据, 据, 依照, 凭" khi sử dụng giáo trình Hán ngữ Phát triển. Kết quả phân tích chi ra 3 loại lỗi sai: (1) Sự lẫn lộn giữa giới từ căn cứ và các loại giới từ khác; (2) Sự lẫn lộn trong nội bộ giới từ căn cứ; (3) Vấn đề sai thứ tự. Ngoài ra, bài viết đã chỉ ra một số vấn đề tồn tại trong giáo trình và đưa ra một vài đề xuất cho việc giảng dạy loại giới từ này.

Hu Yuanyuan (2007) thống kê bài viết của thí sinh HSK cao cấp trong thời gian 10 năm từ 1995-2005 và kho ngữ liệu giới từ của Đại học Ngôn ngữ Bắc Kinh, đồng thời dùng phương pháp điều tra khảo sát, đã nghiên cứu định lượng lại tình hình thụ đắc cách sử dụng 8 kết cấu của 6 giới từ căn cứ (按, 按照, 照, 依照, 据, 根据) của người học Âu Mỹ, so sánh, khảo sát trình tự thụ đắc và phân tích lỗi sai của 8 kết cấu giới từ này.

Zhou Wenhua (2011) khảo sát tình hình thụ đắc giới từ căn cứ của lưu học sinh nước ngoài theo các trình độ sơ, trung, cao cấp, đồng thời đưa ra kiến nghị trong giảng dạy tiếng Hán.

III. Phân tích và đánh giá tiềm năng nghiên cứu giới từ căn cứ

Giới ngữ pháp học tiếng Hán đã tiến hành nghiên cứu giới từ căn với nhiều góc độ, đã đạt được những thành quả nhưng chúng tôi cho rằng vẫn có một số hạn chế như sau:

- Về ranh giới phạm vi, hiện nay giới ngữ pháp học tiếng Hán chưa có tiêu chuẩn rõ ràng, đồng nhất đối với giới từ căn cứ, vì vậy các bài nghiên cứu về giới từ này có định nghĩa, phân loại chưa nhất quán.

- Về nội dung nghiên cứu, nghiên cứu tổng thể chuyên biệt về giới từ căn cứ còn rất ít, chỉ có một vài bài viết. Ngoài ra điểm tiếp cận chưa được phong phú, đa số là bắt đầu từ vấn đề ngữ pháp hóa, nguồn gốc, tính ẩn hiện, thiếu nghiên cứu so sánh về ngôn ngữ viết và khẩu ngữ, thiếu nghiên cứu về quy luật kết hợp với danh từ, đoản ngữ có tính danh từ, động từ… phía sau giới từ. Những nghiên cứu đã có chỉ quan tâm đến phạm vi và đặc điểm cơ bản của bản thân giới từ căn cứ, còn nghiên cứu về đoản ngữ giới tân cấu thành giới từ loại này rất ít, nghiên cứu về sử dụng động từ làm trung tâm ngữ sau đoản ngữ giới tân cũng rất thiếu, nghiên cứu kết hợp giữa hai điều này gần như không có, đi sâu xem xét về ngữ nghĩa và ngữ dụng thì càng hiếm hơn. Có thể dễ dàng thấy rằng, để nghiên cứu chức năng của giới từ căn cứ, chỉ khảo sát giới từ là không đủ, còn phải khảo sát đoản ngữ giới tân tạo

thành nó và câu tạo thành bởi động từ phía sau đoản ngữ (giới từ và tân ngữ).

- Về phương pháp nghiên cứu: Phương pháp miêu tả, so sánh vẫn chiếm chủ đạo trong các nghiên cứ về giới từ căn cứ, đại đa số chỉ dừng lại ở mô tả chủ ngữ trong mô hình ngôn ngữ học. Chúng tôi cho rằng cần phải vận dụng những lý thuyết ngôn ngữ học mới nhất, kết hợp nhiều phương pháp để đi sâu hơn trong nghiên cứu giới từ căn cứ.

- Về tài liệu nghiên cứu. Nghiên cứu định lượng về giới từ khá thiếu thốn, chỉ tập trung vào ngôn ngữ viết, thiếu sót sự so sánh giữa văn viết và văn nói, chưa chú trọng tới nghiên cứu giới từ căn cứ trong khẩu ngữ.

- Về phương diện nghiên cứu: Có rất ít nghiên cứu về giới từ căn cứ xuất phát từ góc độ ứng dụng giảng dạy, còn thiếu những kết quả nghiên cứu khảo sát về tình hình học tập giới từ căn cứ của lưu học sinh, phân tích nguyên nhân dẫn đến lỗi sai, kiến nghị đối với phương pháp giảng dạy.

IV. Kết luận

Bài viết này quan tâm đến loại giới từ căn cứ như: "按照, 根据, 依照, 本着…" là loại giới từ đặc biệt và rất ít được chú ý trong tiếng Hán hiện đại, nhưng loại giới từ này chiếm địa vị rất quan trọng trong các văn bản pháp luật. Theo tổng hợp và đánh giá của chúng tôi, tính đến nay giới ngôn ngữ học vẫn còn thiếu những nghiên cứu tổng thể và nghiên cứu hệ thống đối với loại giới từ này về cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Chúng tôi cho rằng vẫn còn rất nhiều "khoảng trống" có thể khai thác, đặc biệt là những nghiên cứu mang tính ứng dụng, hy vọng kết luận của bài viết có thể đóng góp ý kiến cho nghiên cứu bản thể tiếng Hán và thực tiễn giảng dạy Hán ngữ đối ngoại.

Tài liệu tham khảo:

[1] Ding Yuhong, 现代汉语方式、依据类介词比较研究, 苏州大学硕士学位论文, (2008).

[2] Wei Qibiao, 现代汉语凭据性介词研究, 广西师范大学硕士学位论文, (2008).

[3] Zhang Xin, 现代汉语"依据"类介词研究, 北京语言大学硕士学位论文 (2009).

[4] Xu Min, 现代汉语"按照"类介词短语和介词框架考察, 上海师范大学硕士学位论文 (2010).

[5] Ma Beijia, 介词"照"的产生, 《温州师院学报》第1期, (1992a).

[6] Qiu Shanshan, "通过"的语法化和语义研究, 《浙江万里学院学报》第3期, (2006).

[7] Lu Yingshun, 说"通过", 《语言教学与研究》第6期, (2003).

[8] Fang Qingming, 介词"随着"的句法、语义特点及教学策略探析, 《华文教学与研究》第2期, (2012).

[9] Zhang Chengjin, Wang Ping, 介词"通过"的语法化及其语义来源, 《宁夏大学学报》第5期, (2004).

[10] Li Xiaoqi, Zhang Xin, "据……看/说"及其相关格式, 《语言文字应用》第1期, (2006).

[11] Li Xiaoqi, 《现代汉语虚词讲义》, (2005)

[12] Yi Huaping, Chen Genqiang, 法律词语依照、依据、按照和根据的辨析, 《法律语言学说》第2期 (2009).

[13] Lu Fubo, 《对外汉语教学实用语法》, (2011).

[14] Hao Ling, "依据类"介词"根据"和"按照", 《语文学刊》第2期(2012).

[15] Xin Qinying, 现代汉语“根据”与“按照”、“凭”与“靠”的对比研究, 上海师范大学硕士学位论文, (2014).

[16] Zheng Aihua, 汉韩表“依据”成分对比, 延边大学, 硕士论文, (2011).

[17] Ma Beijia, 方式介词“凭、据、随、论”的产生, 《温州师院学报》第2期, (1992b).

[18] Gan Yindan, 介词“根据”、“依据”的语法化, 《西江月》第25期, (2012).

[19] Shi Wei, 汉语依据类介词的语法化研究, 吉林大学博士学位论文, (2013).

[20] Yang Fuliang, 现代汉语双音节介词“依照”的语法化与词汇化, 《天水师范学院学报》第4期, (2014).

[21] Chen Xinchun, 《介词运用的隐现问题》, (2001).

[22] Wang Yinghua, 从教材角度看依据类介词的教学对策——以厦门大学留学生使用《发展汉语》为例, 厦门大学硕士学位论文, (2014).

[23] Shi Wei, 汉语依据类介词的语法化研究, 吉林大学博士学位论文, (2013).

[24] Hu Yuanyuan, 欧美学生汉语依据类介词结构习得顺序研究, 北京语言大学硕士学位论文, (2007).

[25] Zhou Wenhua, 《现代汉语介词习得研究》, (2011).

Địa chỉ tác giả: Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội

Email: dinhhoai.vcr@gmail.com